

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1083 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư,
nguyên liệu trong nước đã sản xuất được**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 7551A/BCT-KH ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ đề nghị của Sở Công Thương Hồ Chí Minh tại Công văn số 1814/SCT-QLCN ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc đề nghị bổ sung sản phẩm của Công ty Cổ phần địa ốc – cáp điện Thịnh Phát vào Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội

ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN; UBQLVNN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các TD, TCT 90,91;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3).



Cao Quốc Hưng

Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC – CÁP ĐIỆN THỊNH PHÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1083/QĐ-BCT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mã số hải quan HS		Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
Nhóm	Phân nhóm			
I. Dây nhôm lõi Composite - ACCC				
7614	90	11	<p>Dây nhôm lõi Composite (ACCC) có đường kính nhỏ hơn 25,3 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký hiệu: ACCC - Trung tâm là lõi composite tổng hợp từ cacbon và sợi thủy tinh, bên ngoài là các lớp sợi nhôm mềm hình thang. - Nhiệt độ ruột dẫn lớn nhất trong vận hành bình thường: 180°C. 	Trên 25%
7614	90	12	<p>Dây nhôm lõi Composite (ACCC) có đường kính trên 25,3mm nhưng không quá 28,28 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tải dòng điện gấp 2 lần so với dây dẫn truyền thống. Phần lõi nhẹ hơn cho phép tăng phần nhôm thêm 28% vẫn giữ được trọng lượng như dây truyền thống. - Chịu lực tốt hơn, khả năng tự giảm sóc và chịu mỏi cao cho phép tăng chiều dài khoảng trụ, giảm số lượng cột tháp sử dụng. 	
7614	90	19	<p>Dây nhôm lõi Composite (ACCC) có đường kính lớn hơn 28,28 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi composite chịu lực cao và nhẹ hơn so với lõi thép thông thường. - Trong điều kiện tải cân bằng có thêm làm giảm tổn thất trên đường dây từ 30 đến 40% so với dây dẫn có cùng đường kính và trọng lượng. 	

Mã số hải quan HS		Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
Nhóm	Phân nhóm			
II. Dây tôn thất thép lõi thép bọc nhôm – LL-(T)ACSR/AS				
7614	10	11	<p>Dây tôn thất thép lõi thép bọc nhôm – LL-(T)ACSR/AS tiết diện từ 270/30 – 420 mm² (đường kính nhỏ hơn 25,3 mm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký hiệu: LL-(T)ACSR/AS - Trung tâm là phần lõi thép bọc nhôm siêu chịu lực (EAS), bên ngoài là lớp nhôm (AL) hoặc hợp kim nhôm chịu nhiệt (TAL). - Nhiệt độ ruột dẫn lớn nhất trong vận hành bình thường: <ul style="list-style-type: none"> + LL-ACSR/AS: 90°C. + LL-TACSR/AS: 150°C. - Giảm tổn thất truyền tải từ 10 – 25%. - Tải trọng tác dụng lên cột tháp gần như dây ACSR truyền thống (do cùng đường kính, cùng độ bền cơ học). - Chống ăn mòn tốt. - Có 2 kiểu, phụ thuộc vào mục đích hay yêu cầu của dự án: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu 1: Dây hình tròn và hình thang. + Kiểu 2: Tất cả phần nhôm là sợi hình thang; tiết diện phần nhôm đạt tối đa. 	Trên 25%
7614	10	12	<p>Dây tôn thất thép lõi thép bọc nhôm – LL-(T)ACSR/AS tiết diện từ 420-490/40 mm² (đường kính 25,3 mm nhưng không quá 28,28 mm)</p>	
7614	10	19	<p>Dây tôn thất thép lõi thép bọc nhôm – LL-(T)ACSR/AS tiết diện từ 490/40 - 680mm² (đường kính lớn hơn 28,28 mm)</p>	